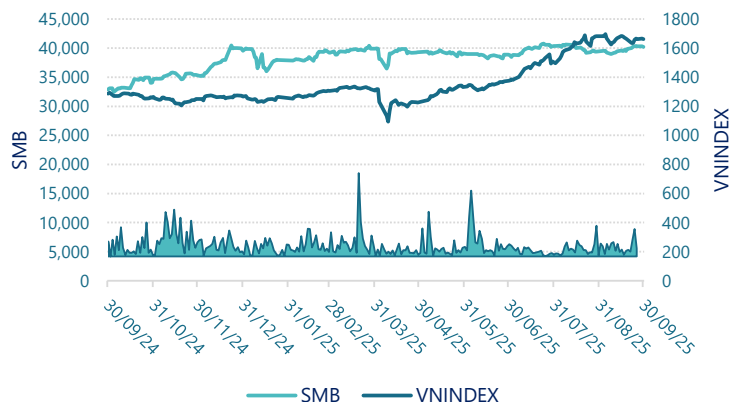




CTCP Bia Sài Gòn - Miền Trung (HSX: SMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	32,457
SL cổ phiếu LH	29,846,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,100
% sở hữu nước ngoài	13.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,200
P/E	6.4
EPS	6,276

DT thuần

Q3/25

370

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.0 | 2.8%

YoY: ▼ 8.00 | -2.0%

LN sau thuế

Q3/25

64.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.1 | 23.3%

YoY: ▲ 12.2 | 23.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

21.8%

+/- YoY: ▲ 4.5%

DT thuần

9T 2025

1,027

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 42.0 | -4.0%

LN sau thuế

9T 2025

145

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.00 | 6.5%

ROE

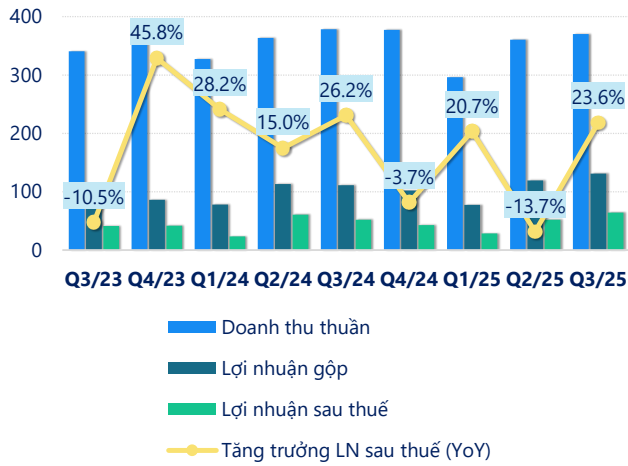
Q3/25

29.6%

+/- YoY: ▼ 0.1%

tỷ VNĐ

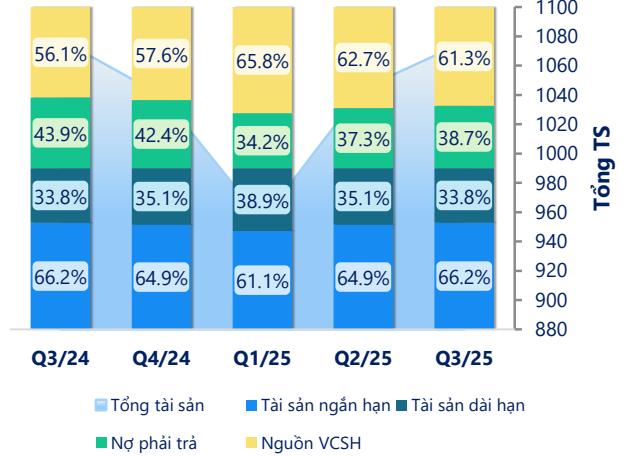
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

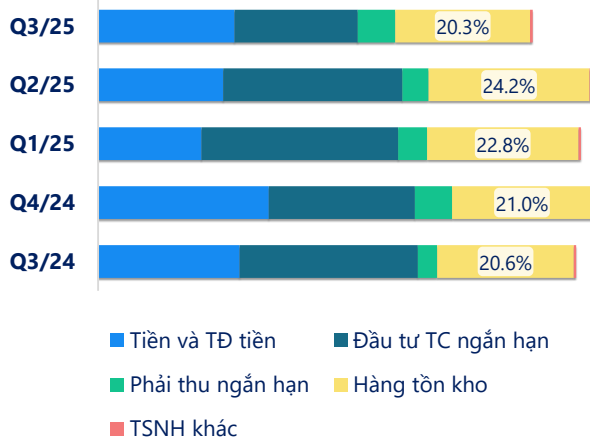
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



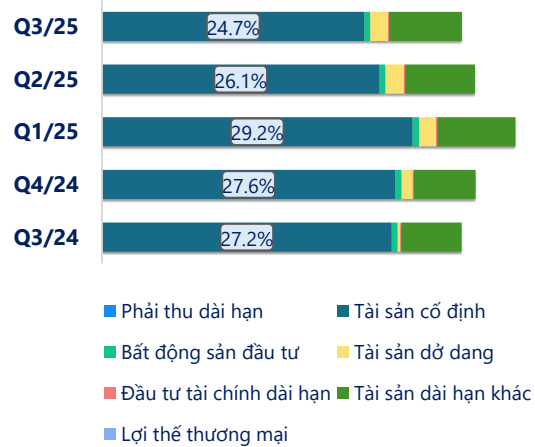
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

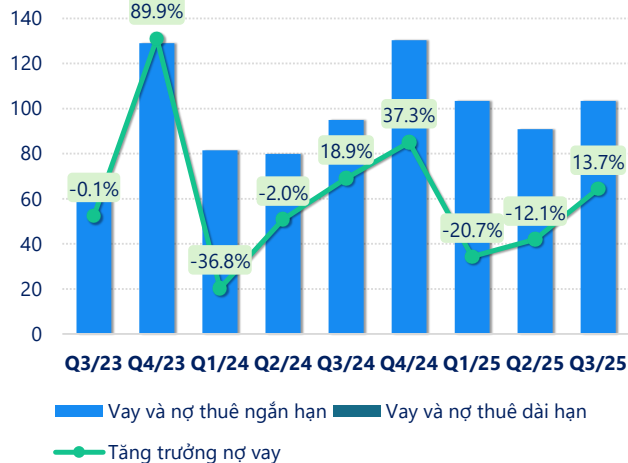
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

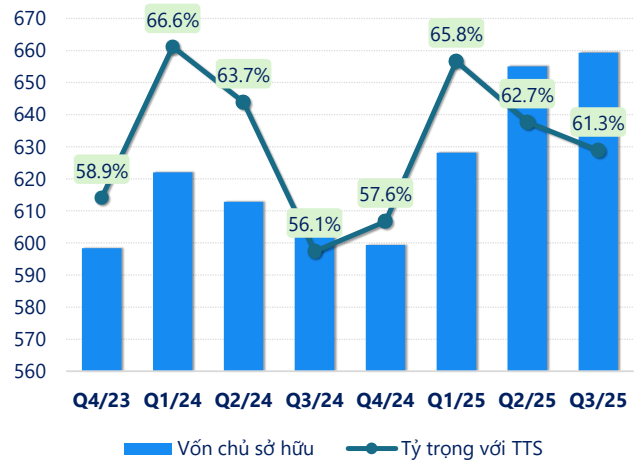
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

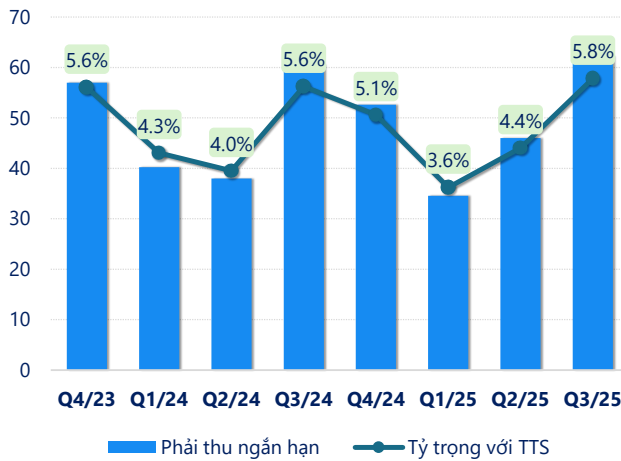
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



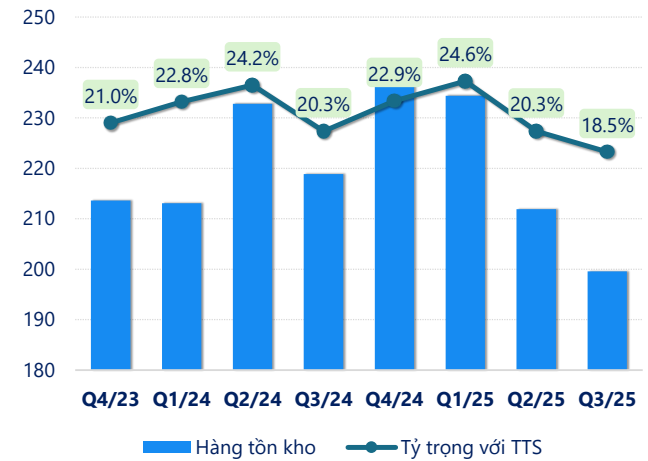
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


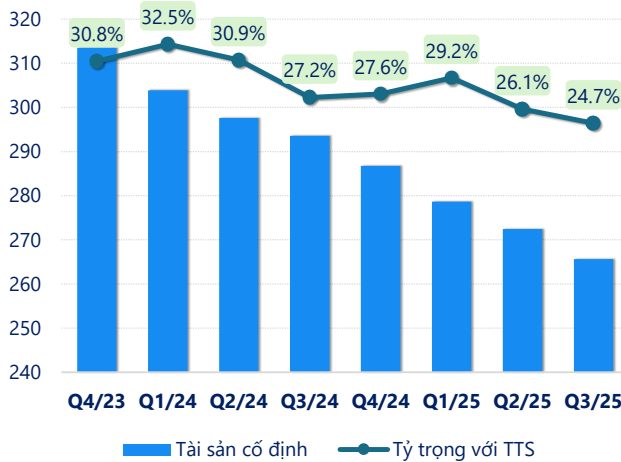
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


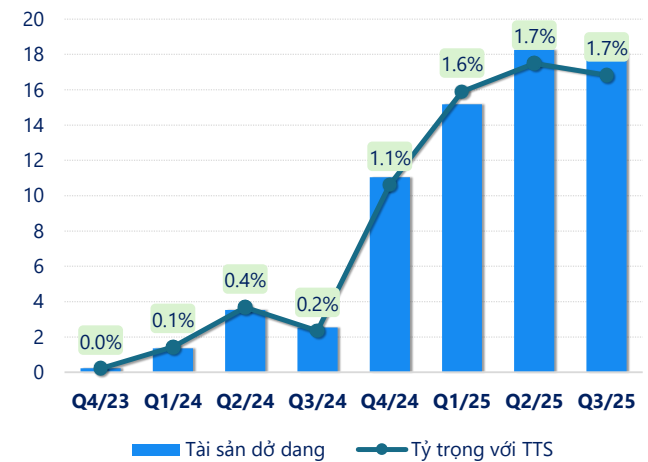
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

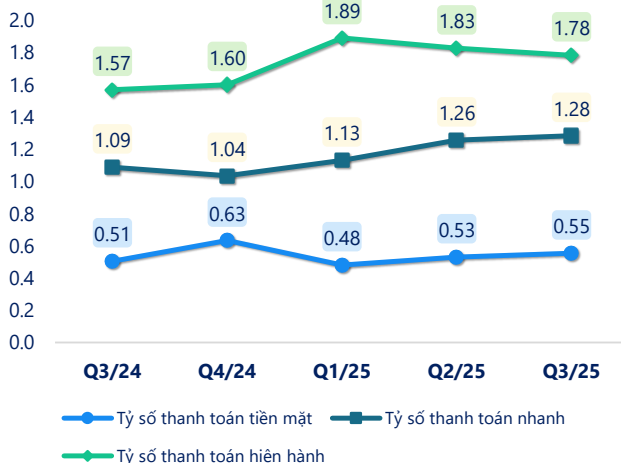
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

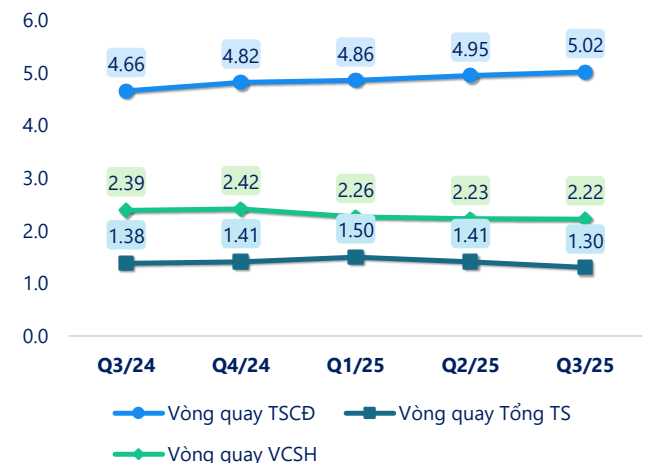
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,078	1,040	954	1,045	1,076
Tài sản ngắn hạn	713	674	583	678	712
Tiền và tương đương tiền	230	267	148	197	221
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	113	162	220	226
Phải thu ngắn hạn	60.6	52.6	34.6	46.0	62.2
Hàng tồn kho	219	238	234	212	200
Tài sản ngắn hạn khác	4.22	3.92	3.98	3.42	3.24
Tài sản dài hạn	365	365	371	366	364
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	294	287	279	272	266
Bất động sản đầu tư	6.21	6.12	6.03	5.95	5.86
Tài sản dở dang	2.53	11.0	15.2	18.3	18.1
Đầu tư tài chính dài hạn	0.98	0.98	0.98	0.98	0.98
Tài sản dài hạn khác	61.3	60.4	70.4	68.7	73.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	473	440	326	389	417
Nợ ngắn hạn	454	421	308	371	399
Vay và nợ thuê ngắn hạn	95.0	130	103	90.9	103
Phải trả người bán ngắn hạn	45.8	38.6	48.8	47.2	40.2
Nợ dài hạn	18.7	18.9	17.9	18.3	17.8
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	605	599	628	655	659
Vốn chủ sở hữu	605	599	628	655	659
Vốn điều lệ	298	298	298	298	298
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)